

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 15 /2008/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Buôn Ma Thuột, ngày 02 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc thực hiện chính sách kéo điện

**vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ theo Quyết
định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ**

WEBSITE CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 1698

Ngày 9 tháng 4 năm 08

Kính chuyển:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP, ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN, ngày 13 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN, ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định kỹ thuật điện nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD, ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BXD, ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-NLĐK, ngày 23 tháng 2 năm 2004 của Bộ Công nghiệp về việc ban hành Đơn giá XDCB chuyên ngành Xây lắp đường dây tải điện;

Căn cứ Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2006 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng, lắp đặt khu vực thành phố Buôn Ma Thuột;

Xét đề nghị của liên ngành: Sở Công nghiệp - Sở Tài chính - Điện lực Đắk Lắk tại Tờ trình số 128/TTr-LN:CN,TC,ĐLĐL ngày 12 tháng 3 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thực hiện chính sách kéo điện vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ theo Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây tại các văn bản khác trái với Quyết định này đều bãi bỏ. Các Sở, ngành có trách nhiệm rà soát các văn bản do mình ban hành trái với quy định của Quyết định này để sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Công nghiệp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Điện lực Đắk Lắk; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- TT Công báo, Website tỉnh;
- Lưu: VT, CN, TM (T. 44)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện chính sách kéo điện vào nhà
cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ theo Quyết định số
168/2001/QĐ-TTg, ngày 30/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2008/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 4 năm 2008 của UBND tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định việc thực hiện chính sách kéo điện vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chưa có điện trên địa bàn tỉnh. Mỗi hộ chỉ được kéo điện cho một nhà ở tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Khoảng cách từ đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp đến hộ được kéo điện trong phạm vi 150 mét.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đường trục hạ áp là đường dây hạ áp xuất tuyến của máy biến áp hoặc máy phát điện độc lập.
2. Nhánh rẽ hạ áp là đường dây hạ áp nối vào đường trục hạ áp đến dây nối vào công tơ.
3. Phần từ đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp đến hộ sử dụng điện là phần khối lượng vật tư, vật liệu và thiết bị điện đưa vào lắp đặt tính từ đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp đến đầu bộ phận đóng, cắt tại bảng điện tổng của hộ sử dụng điện.
4. Phần lắp đặt điện trong nhà là phần từ bộ phận đóng, cắt tại bảng điện tổng và các vật tư, vật liệu, thiết bị điện lắp đặt trong nhà của hộ sử dụng điện.
5. Máy phát điện độc lập là máy phát điện không được đấu nối với hệ thống điện quốc gia và có điện áp đầu ra đến 400V.
6. Dân tộc thiểu số tại chỗ là đồng bào dân tộc thiểu số có nguồn gốc, tổ tiên sinh sống lâu đời trên địa bàn.

Chương II TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Điều 3. Dây dẫn

1. Đối với trường hợp các hộ được kéo điện có khoảng cách từ đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp đến hộ sử dụng điện đến 50 mét sử dụng dây DupLex 2x5mm² ruột đồng; trường hợp có khoảng cách lớn hơn 50 mét thì sử dụng dây DupLex 2x7mm² ruột đồng.

2. Dây từ đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp đến công tơ và từ cọc sắt lắp tại đầu nhà đến bảng điện tổng của hộ được kéo điện sử dụng cáp Muler $2 \times 5 \text{mm}^2$ ruột đồng với trường hợp khoảng cách từ đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp tới hộ được kéo điện đến 50 mét; trường hợp có khoảng cách lớn hơn 50 mét thì sử dụng cáp Muler $2 \times 7 \text{mm}^2$ ruột đồng.

3. Dây dẫn điện trong nhà dùng dây đồng bọc cách điện $2 \times 1,5 \text{mm}^2$.

4. Nối dây dẫn: Dây dẫn được nối bằng cách vặn xoắn sau đó dùng băng cách điện bọc kín mối nối.

5. Dây dẫn được đỡ hoặc néo trên cột bằng các khoá néo hoặc khoá đỡ.

Điều 4. Khoá néo, khoá đỡ

Khoá néo, khoá đỡ làm bằng thép, có bề mặt được mạ kẽm nhúng nóng để bảo vệ chống ăn mòn.

Điều 5. Cột và móng cột

1. Cột:

- Trường hợp nhà của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ được kéo điện có khoảng cách đến đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp lớn hơn 50 mét, việc kéo điện phải dựng cột đỡ trung gian để đỡ dây dẫn vào nhà. Tùy vào điều kiện thực tế mà đơn vị tư vấn thiết kế bố trí số lượng cột sao cho đảm bảo về kỹ thuật và tiết kiệm nguồn vốn.

- Sử dụng cột bê tông ly tâm hoặc bê tông vuông có chiều cao từ 6,5 mét đến 7,3 mét; hệ số an toàn của cột không được nhỏ hơn 1,2.

- Cột phải bố trí tránh khu vực bị xói lở; không gây cản trở việc qua lại của người và phương tiện giao thông.

2. Móng cột: Tùy vào điều kiện địa hình, địa chất của từng khu vực mà đơn vị tư vấn thiết kế lập sao cho đảm bảo về kinh tế và kỹ thuật; hệ số an toàn của móng cột không được nhỏ hơn 1,2. Độ sâu chôn cột từ 10% đến 14% chiều cao cột.

Điều 6. Cọc sắt lắp tại đầu nhà

1. Cọc sắt lắp tại đầu nhà làm bằng thép hình V50x50x5, có bề mặt được sơn chống rỉ để bảo vệ chống ăn mòn.

2. Khoảng cách theo phương thẳng đứng từ khoá néo mắc trên cọc sắt lắp tại đầu nhà đến mặt đất không nhỏ hơn 3,5 mét.

Điều 7. Công tơ, thùng công tơ và xà lắp thùng công tơ

1. Sử dụng công tơ điện 1 pha – 5(20)A.

2. Công tơ được treo trên cột và phải đặt trong thùng công tơ. Cách mặt đất từ 2 mét đến 2,5 mét.

3. Thùng công tơ phải đảm bảo độ bền cơ học, tránh nước mưa dột hoặc hắt vào công tơ; khuyến khích dùng theo mẫu của Ngành điện.

4. Xà lắp thùng công tơ được làm bằng thép hình V50x50x5, có bề mặt được mạ kẽm hoặc sơn chống rỉ để bảo vệ chống ăn mòn.

Điều 8. Thiết bị đóng cắt, bảo vệ

1. Các thiết bị đóng cắt, bảo vệ phải lắp đặt trên dây pha; khuyến khích lắp đặt thiết bị bảo vệ, đóng cắt đồng thời cả dây pha và dây trung tính.

2. Áp tô mát, cầu chì, công tắc, ổ cắm trong gia đình phải đặt ở những nơi khô ráo và thuận tiện cho việc sử dụng. Riêng các hộ sử dụng điện có trẻ nhỏ hoặc nằm trong vùng có thể bị ngập nước, các thiết bị trên còn phải đặt cách mặt đất ít nhất 1,4 mét.

Điều 9. Các loại vật tư, vật liệu phụ

Ngoài các loại vật tư, vật liệu và thiết bị điện chính như trên, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của từng hộ gia đình mà đơn vị tư vấn thiết kế trong quá trình lập thiết kế có thể đưa vào các loại vật tư, vật liệu phụ để đảm bảo kỹ thuật và an toàn.

CHƯƠNG III TÍNH TOÁN CHI PHÍ XÂY LẮP

Điều 10. Tính toán chi phí xây lắp Phần đường trực, nhánh rẽ hạ áp phát sinh trước khi lắp đặt vào từng hộ dân

Thực hiện theo qui định đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 11. Tính toán Phần từ đường trực hoặc nhánh rẽ hạ áp đến hộ sử dụng điện và lắp đặt điện trong nhà

1. Vật tư, vật liệu, thiết bị điện và đơn giá nhân công Phần từ đường trực hoặc nhánh rẽ hạ áp đến hộ sử dụng điện:

a) Vật tư, vật liệu, thiết bị điện(VL1):

STT	KHOẢN MỤC	ĐVT	SỐ LƯỢNG
01	Cáp Muler 2x5mm ²	mét	Theo thực tế
02	Cáp Muler 2x7mm ²	mét	Theo thực tế
03	Cáp Duplex 2x5mm ²	mét	Theo thực tế
04	Cáp Duplex 2x7mm ²	mét	Theo thực tế
05	Khóa néo, khóa đỡ cáp Duplex	cái	Theo thực tế
06	Băng cách điện	cuộn	01
07	Dây đai bó cáp	dây	Theo thực tế
08	Kẹp quai 5 bulông	cái	Theo thực tế
09	Áp tô mát 1 pha 20A	cái	01
10	Đầu cốt ép SC35	cái	02
11	Ốc vít, các loại	bộ	01

12	Cột bê tông ly tâm hoặc bê tông vuông 6,5-7,3m	cột	Theo thực tế
13	Móng cột	móng	Theo thực tế
14	Cọc sắt lắp tại đầu nhà V50x50x5	bộ	01
15	Công tơ điện 1 pha 5(20)A	cái	01
16	Thùng lắp công tơ	cái	Theo thực tế
17	Xà lắp thùng công tơ	bộ	Theo thực tế

b) Nhân công (NC1):

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG LẮP ĐẶT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)
01	06.6141	Lắp đặt Cáp Muler 2x5mm ² hoặc Muler 2x7mm ²	mét	543
02	06.7001	Rải kéo dây Duplex	mét	629
03	BA.19202	Lắp đặt Áptômát 1 pha 20A	cái	11.145
04	BA.19501	Lắp đặt công tơ 1 pha 5(20)A	cái	10.253
05	BA.19503	Lắp đặt thùng công tơ	cái	14.265
06	05.6101	Lắp đặt xà thùng công tơ	bộ	56.456
07	05.6101	Lắp đặt cọc sắt đầu nhà V50x50x5	bộ	56.456
08	05.5211	Dựng cột bê tông có chiều cao cột ≤ 8 mét	trụ	321.366
09	06.2141	Lắp đặt khoá néo, khoá đỡ dây dẫn vào nhà	bộ	7.668
10		Đào, đắp đất và đổ bê tông móng cột	móng	Theo thiết kế

(Chi phí nhân công của các công tác xây lắp áp dụng theo Đơn giá XD CB chuyên ngành xây lắp đường dây tải điện kèm theo Quyết định số 285/QĐ-NL DK ngày 23/2/2004 của Bộ Công nghiệp đã được điều chỉnh theo Công văn số 6780/CV-NL DK ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp để tương ứng với mức lương tối thiểu là 450.000 đồng/tháng)

2. Vật tư, vật liệu, thiết bị điện và đơn giá nhân công Phần lắp đặt điện trong nhà:

a) Vật tư, vật liệu, thiết bị điện(VL2):

STT	NỘI DUNG LẮP ĐẶT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
01	Đèn Compact 20W	bộ	02
02	Đèn ống dài 1,2mét	bộ	01
03	Công tắc điện	cái	03
04	Ổ cắm điện loại 3 phích	ổ	02
05	Áptômát 1 pha 20A	cái	01
06	Táp lô điện 16cmx25cm	cái	01
07	Táp lô điện 11cmx18cm	cái	01
08	Dây đồng bọc 2x1,5mm ²	mét	30
09	Cuộn băng keo	cuộn	01
10	Cầu chì	cái	02
11	Ốc vít các loại	bộ	Theo thực tế

(Tuỳ theo không gian thực tế của hộ được lắp điện, đơn vị tư vấn thiết kế tính chọn số lượng vật tư, vật liệu, thiết bị điện cho phù hợp nhưng không được vượt quá số lượng nêu trên bảng VL2)

b) Nhân công (NC2):

STT	MÃ HIỆU	KHOẢN MỤC	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)
01	BA.13101	Lắp đèn Compact 20W	bộ	5.795
02	BA.13301	Đèn ống dài 1,2mét	bộ	15.157
03	BA.18101	Lắp công tắc điện	cái	4.458
04	BA.18202	Lắp ổ cắm điện loại 3 phích	ổ	5.350
05	BA.19202	Lắp đặt Aptômát 1 pha 20A	cái	11.145
06	BA.17101	Lắp tấp lô điện	cái	5.350
07	BA.16204	Kéo dây đồng bọc 2x1,5mm ²	mét	1.427
08	BA.18101	Lắp cầu chì	cái	4.458

3. Bảng tổng hợp dự toán xây lắp công trình:

KÝ HIỆU	KHOẢN MỤC	DIỄN GIẢI TÍNH TOÁN
G	Giá trị xây dựng trước thuế	VL + NC + T + C + TL
VL	Chi phí vật liệu	VL1 + VL2
NC	Chi phí nhân công	(NC1 + NC2)x1,2x0,95
T	Trực tiếp phí khác	1,5%x(VL + NC)x70%
C	Chi phí chung	5,5%x(VL + NC + T)x70%
TL	Thu nhập trước thuế	6%x(VL + NC + T + C)x70%
QLDA	Chi phí quản lý dự án	2,426%xGx50%
TVĐT	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1 - 5
1	Chi phí khảo sát	10.000 đồng/ hộ dân
2	Chi phí lập thiết kế + Dự toán	3,04%xGx0,65x70%
3	Chi phí thẩm định thiết kế	0,225%xGx0,36x70%
4	Chi phí thẩm định Dự toán	0,219%xGx0,36x70%
5	Chi phí giám sát thi công	2,431%xGx70%
K	Chi phí khác	TT, PDQT
TT, PDQT	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,32%xG
D	Giá trị dự toán trước thuế	G+QLDA+TVĐT+K
VAT	Thuế giá trị gia tăng	10%xD
E	Giá trị dự toán sau thuế	D + VAT

(Chi phí nhân công đã được điều chỉnh theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD ngày 25/01/2008 của Bộ Xây dựng để tương ứng với mức lương tối thiểu là 540.000 đồng/tháng)

Điều 12. Đơn giá áp dụng để tính toán

Đơn giá của vật liệu áp dụng theo các thông báo giá của liên Sở Tài chính – Xây dựng tại thời điểm lập dự toán. Nếu các loại vật liệu không có trong các thông báo giá của liên Sở Tài chính – Xây dựng thì lấy theo báo giá của các nhà sản xuất nhưng phải có sự tham khảo, điều tra giá cả trên thị trường để tránh gây thất thoát trong đầu tư xây dựng.

CHƯƠNG IV

NGUỒN KINH PHÍ VÀ THANH QUYẾT TOÁN

Điều 13. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí để thực hiện chính sách kéo điện vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk sử dụng từ nguồn kinh phí được bố trí trong cân đối ngân sách hàng năm của các huyện, Thành phố.

Điều 14. Thanh, quyết toán

1. Hồ sơ thanh quyết toán: Theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
2. Các đơn vị: Tư vấn thiết kế, giám sát thi công và thi công tập hợp đủ hồ sơ và thanh, quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thành phố theo chế độ quy định. Định kỳ Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kinh phí kéo điện về Sở Tài chính và Sở Công nghiệp.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở: Công nghiệp, Tài chính

1. Đối với Sở Công nghiệp:

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện chính sách kéo điện vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn các huyện và thành phố, kịp thời chấn chỉnh các sai phạm để tránh xảy ra tình trạng thất thoát trong đầu tư.

- Hằng quý tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tiến độ thực hiện chính sách kéo điện vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Trên cơ sở báo cáo của UBND các huyện và thành phố, tổng hợp, tham mưu và đề xuất UBND tỉnh giải quyết.

2. Đối với Sở Tài chính:

Theo dõi tình hình thực hiện chính sách kéo điện vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn các huyện và thành phố, phối hợp với Sở Công nghiệp và các ban, ngành có liên quan xử lý những phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện và tham mưu cho UBND tỉnh về các nội dung có liên quan khi vượt thẩm quyền giải quyết của mình.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

1. UBND cấp huyện là chủ đầu tư của các công trình, có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về sự quan tâm đến đời sống của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn Tây nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

3. Hằng tháng tổng hợp, báo cáo Sở Công nghiệp và Sở Tài chính về tiến độ thực hiện công tác kéo điện vào nhà cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn quản lý của mình.

Điều 17. Trách nhiệm của Điện lực Đắk Lắk

Đối với các công trình tại khu vực Điện lực quản lý, bán điện thì Điện lực có trách nhiệm cung cấp và lắp đặt kịp thời phần vật tư, vật liệu, thiết bị điện phần từ đường trục hoặc nhánh rẽ hạ áp xuống đến công tơ (cáp Muler 2x5 hoặc cáp Muler 2x7, công tơ, xà lắp thùng công tơ, và thùng công tơ) sau khi có hồ sơ thiết kế và văn bản đề nghị của chủ đầu tư.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND các xã, phường và thị trấn

Có trách nhiệm xác định đúng đối tượng được kéo điện và lập danh sách trình UBND huyện, Thành phố phê duyệt. Sau đó thông báo công khai danh sách các hộ được lắp điện và niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn để nhân dân được biết.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị thi công

1. Vật tư, vật liệu và thiết bị điện đưa vào xây dựng công trình phải có xuất xứ sản xuất và đảm bảo theo các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước.

2. Khi các công trình đã hoàn thành, đơn vị thi công báo cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng; thành phần tham gia nghiệm thu gồm: Đại diện UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đơn vị giám sát thi công công trình, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn thiết kế và hộ gia đình được lắp điện. *lkk*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư